

Nét đẹp ngày xưa

Hoa tay thảo những nét

THU HIÊN

Anh Chị HLN thân mến,

Cám ơn anh chị đã gửi cho mấy cuốn sách hay mua từ Việt Nam sau chuyến về quê ăn Tết. Nhìn lại những hình ảnh xưa của Hà Nội, nơi tôi đã sống cho đến năm 1954 di cư vào Nam, đến nay đã tròn tròn hơn 60 năm xa cách, mới thăm thía mấy câu của Bà Huyện Thanh Quan :

Dấu xưa xe ngựa hồn thu thảo

Thành cũ lâu đài bóng tịch dương

Hà Nội vẫn giữ được những nét cổ kính muôn thưở với các khu phố cổ, các cửa ô rêu phong,

Tháp Rùa với Hồ Gươm sương phủ v.v. như tôi vẫn thầm ước :

*Nửa thế kỷ qua chẳng dám mong
Cảnh cũ còn nguyên với tháng năm
Nhưng sao vẫn ước thầm trong mộng
Kỷ niệm lưu hoài với núi sông !*

Nhưng tôi đã có dịp xem phim tài liệu nhan đề “Hà Nội trong mắt ai” của Đạo Diễn Trần Văn Thủy quay một số góc cạnh của Hà Nội, thấy cũng cảnh ấy nhưng khác với trong sách, nhiều cảnh đồ nát, xuống cấp với thời gian mà không được bảo trì gìn giữ trân trọng. Cái nét văn hóa đẹp cứ tàn tạ dần với năm tháng. Người sống, nhất là nhà cầm quyền, chẳng cần để ý gìn giữ, chỉ còn là tiếc nuối qua các hình ảnh còn lưu lại mà thôi :

*Mắt xanh mày biếc đẹp một thời
Nay tóc điểm sương da đã môi
Nhớ quá, ôi chao ! Ngày tháng cũ
Thơ ngây lưu lại chút này thôi.*

Mấy câu trên nằm trong một bài thơ tôi ghi lại cho một bức ảnh của một anh bạn, anh và tôi cùng một nhóm bạn chụp ở Hà Nội vào năm 1950 mà anh còn giữ được đến nay. Bài thơ ba đoạn tôi lấy

tên là “Đề ảnh năm xưa”, bài thơ buồn, tiếc nuối một thời thanh xuân đã mất. Một lần nữa cảm ơn anh chị gửi cho những hình ảnh nhắc nhở một thuở xa xưa của dĩ vãng.

Ba cuốn Thư Pháp đọc cũng thú vị lắm. Trong bối cảnh đồng văn hóa và gần như dùng chung một văn tự -chữ Nho- các cụ nhà Nho ta ngày xưa có thú chơi chữ, Thư Pháp là một nghệ thuật rất tao nhã. Văn hay chữ tốt là những nét độc đáo của người tài hoa. Xưa, trong hàng Tiến Sĩ, vua chọn Thám Hoa với ba yếu tố hội đủ để kén làm Phò Mã : văn hay - chữ tốt - người đẹp. Do đó, dân dã tài giỏi vẫn làm rể vua được, không cứ trong hàng quyền quý cao sang, một nét rất độc đáo trong nếp sống văn hóa Việt Nam. Ở giai tầng (không nói là giai cấp vì ở Việt Nam không phân biệt giai cấp cứng nhắc như ở Âu châu trước kia hay một số nước khác) thượng lưu mà dốt nát vẫn bị loại như thường.

Các cụ Đồ họ Lê nhà tôi có tiếng là chữ tốt. Sĩ tử ngày xưa đã có câu truyền :

Muốn chữ tốt đến làng Lủ

Muốn học qui củ đến làng Và.

Làng Lũ là tên nôm làng Kim Lũ, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam, quê tôi. Làng Và là tên nôm làng Yên Đổ cũng thuộc tỉnh Hà Nam, quê cụ Tam Nguyên Nguyễn Khuyến.

Ông thân tôi, ngày trẻ học giỏi, văn hay, chữ tốt, cao ráo bảnh trai, tiếc rằng cụ có vợ sớm (cụ có vợ năm tám tuổi, bà cụ mười hai) hơi ngồng qua mấy câu :

*Vào thi ai dám địch cùng ông
Chữ tốt văn hay, sách thuộc lòng*

Từ nhà giáo cụ nhảy sang quan trường, cụ tên Vinh nên thường gọi là Phủ Vinh. Ở Hà Nội, trong giới thanh khí đã truyền câu :

*Nhan sắc Bà Nam Hoa
Nước da quan Án Thực
Bút mực ông Phủ Vinh
La Tinh cha Bửu Dưỡng*

Chữ cụ nhà tôi rất đẹp, rải khắp từ Bắc vào Nam. Bạn bè Cụ, người nào cũng có chữ cụ viết tặng lồng kính treo ở nơi trang trọng trong phòng khách.

Tôi vẫn thường nghe mấy cụ bạn cụ tôi tâm sự: sau những gay go của cuộc sống, dành ít phút

nhàn tản ngắm chữ bố cháu viết tặng, thấy tâm hồn thoải mái dễ chịu hẳn ra. Bao nhiêu rắc rối trong đầu bị xua đuổi đi hết.

Như vậy, qua Thư Pháp, ở Việt Nam, Thiền đã thấm đậm vào tâm hồn những người biết thưởng thức từ lúc nào mà không biết.

Sống bên cạnh một láng giềng khổng lồ lúc nào cũng dòm ngó chỉ chờ cơ hội là xâm lăng thôn tính, các cụ nhà mình thường khiêm tốn, không khoa trương làm xốn mắt hay ganh tị của ông bạn Chauvin nước lớn. Do đó, kiến trúc không có những công trình đồ sộ nặng tính khoa trương. Dù nhỏ bé khiêm nhường vẫn mang nặng nét văn hóa độc đáo riêng biệt hòa nhi bất đồng. Điển hình như chùa Một Cột, tuy khiêm tốn nhưng vẫn toát ra cái uy nghi của kẻ đứng riêng một cõi, Nam Quốc sơn hà Nam Đế cư, hay trụ kinh thiên chống Trời.

Thiền bàng bạc qua thú chơi chữ, qua Thư Pháp, nhưng không công khai lập thuyết, lập ngôn hay đạo nọ đạo kia. Đức khiêm tốn của đạo Dịch mà có lẽ các cụ nhà ta thấm nhuần sâu sắc hơn ông bạn lớn Trung Quốc: Khiêm khiêm quân tử, dụng thiệp đại xuyên, cát ! Theo Hào từ hào một Quê

Địa Sơn Khiêm. Lược nghĩa : người quân tử nhún nhường, dùng cách ấy vượt được sông lớn, tốt !

Ý Hào khuyên: Nhún nhường mới đạt được chí. Tức là biết lẽ khiêm cung, vượt đường nguy nan, trên tin, dưới cậy, giữ được đất đai, tu dưỡng an nhàn. Vĩ đại như cụ Không, san định Kinh Dịch, làm Thập Dục, mà vẫn khiêm tốn bảo “thuật nhi bất tác”, chỉ kể lại chứ không thêm thắt gì mới. Cái khiêm tốn của cụ phù hợp với lối sống của dân tộc ta mà người Trung Hoa không học được. Đúng như ông Thiệu Vĩ Hoa, cháu nhiều đời của Thiệu Khang Tiết đời Tống phải than : Hoa trong tường-Thơm ngoài tường.

Nhún nhường nhưng không hèn. Những chiến thắng Bạch Đằng, ba lần đại phá Nguyên Mông, một trận quét hết quân Thanh, đánh cho “quân hồi bất phản”, sau đó vẫn nhún nhường triều cống theo lẽ lớn nhỏ, chỉ với mục đích :

*Nam Quốc sơn hà Nam Đế cư
Tiết nhiên định phận tại Thiên Thu
Sơn Hà nghịch lỗ lai xâm phạm
Nhữ đẳng hành khan thủ bại hư !*

Trở lại môn Thư Pháp của dân tộc ta, ngoài tính cách nghệ thuật, ngoài tính cách tu dưỡng tinh thần, nó còn chuyên chở một sứ mệnh cao cả của một tầng lớp tự cho mình có nhiệm vụ với xã hội là “phù thể giáo một vài câu thanh nghị” nghĩa là chữ nghĩa phải thực thi được cái nhiệm vụ của nó là VẤN DĨ TẢI ĐẠO.

Do đó, Thư Pháp không chỉ là những chữ xuôi, vô thưởng vô phạt dùng để nhìn ngắm mà thôi, mà còn đượm những ý nghĩ ngấm dần vào đầu người xem mỗi lúc một ít để rồi dẫn đến những biến chuyển tâm tư và hành động. Và cũng do đó, Thư Pháp không là cảm hứng nhất thời của nhà nghệ sĩ, mà Thư Pháp còn mang đến một suy tư gói gắm của một kẻ sĩ có trách nhiệm với xã hội.

Cũng do đó, ta không lạ khi thấy :

1- Bốn chữ HÒA KHÍ XUÂN PHONG ở nhà một ông bạn mà không khí gia đình thường nhiều lúc gây cản vì xung đột tính tình.

2- Bốn chữ TƯỚNG NHẬP PHI PHI ở một nhà tu hành.

3- Bốn chữ GIANG SƠN VẠN CỔ ở nhà một ông hậu duệ cụ Nguyễn Trãi.

Và đôi câu đối :

NGUYỄN GIA HIẾU TỬ, LÊ TRIỀU CÔNG
THẦN, HUÂN NGHIỆP VĨNH TRUYỀN HẬU
THẾ.

CÔN SƠN BẠCH VÂN, NHỤY KHÊ
LƯƠNG NGUYỆT, TINH ANH TRƯỜNG TẠI
THỦ GIAN.

Tạm dịch : Con hiếu họ Nguyễn, Lê triều công
thần, huân nghiệp vẻ vang mãi mãi

Mây trắng non Côn, trắng trong dòng Nhụy,
tinh anh rực rỡ đời đời.

4- Ở một nhà giáo với đôi câu đối :

BÍCH HỮU TÀNG THU, HÁN TỰ ÂU VĂN
TRUNG TÚC HỌC

MÔN ĐA ANH VẬT, KIM CHÂM NGỌC
XÍCH BẢN NHÂN SƯ

Tạm dịch : Sách cổ chứa đầy tường, chữ Hán
văn Âu nêu học chín

Điều vui cả cửa, kim vàng thước ngọc vốn
thầy nghiêm

5- Ở nhà một lão hữu, uyên thâm Kinh Dịch,
có bốn câu thơ :

THUẦN DAO THANH DA THOẠI
NHẤT ÂM TÚY NHI TINH
BÍ TÀNG TINH DỊCH LÝ
HÀ TẮT VẤN QUÂN BÌNH

Tạm dịch :

*Chén Thuần say tỉnh đầy vơi
Đêm đêm mưa gió cùng ai chuyện trò
Nghiên tinh Dịch Lý có thừa
Thăng trầm nào phải hỏi dò cát hung*

Mới đây tôi được ông bạn Hoàng Song Liêm, một nhà thơ từ Hoa Thịnh Đốn gửi lên tặng 4 câu đầu của một bài thơ dài của ông mà tôi đã được đọc. Bốn câu thơ được nhà Thơ Họa Vũ Hối cũng ở dưới vùng Thủ Đô viết với một thủ pháp tài hoa :

*Hăm bảy năm dài một tháng Tư
Lòng ta vơi vơi bóng quê xưa
Hồn ta vẫn một hồn ly khách
Biển Thái trông sông núi mịt mờ ...*

Bức thư họa này tôi đã lên khung treo ở phòng khách. Những lúc ngồi ngắm bức tranh chữ này, hồn bay bổng với nét bút của hoa tay thảo những nét, nhưng lòng cũng chùng xuống với những ngày đen tối năm xưa, đến nay biển dâu đã bao biến

chuyển, lại thấy trái tim thổn thức với những nhịp đập bất thường.

Văng vẳng đâu đây như lại thấy một câu hỏi trong đầu : XUÂN NÀO TA LẠI VỀ?

Chúc anh chị vui khỏe.■

THƯ HIÊN

